

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số /CDCT ngày / /
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương miền Trung)

Tên ngành, nghề: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ - MÁY KÉO
Mã ngành, nghề: 5510202
Trình độ đào tạo: Trung cấp
Hình thức đào tạo: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở
Thời gian đào tạo: 2 năm
Văn bằng tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp trung cấp chính quy

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo kỹ thuật viên trung cấp có sức khỏe tốt, phẩm chất chính trị, yêu nước; có kiến thức và kỹ năng trong lĩnh vực sửa chữa và bảo dưỡng động cơ, ô tô, xe máy.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

- + Hiểu được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô;
- + Biết phương pháp tra cứu tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- + Hiểu được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- + Hiểu được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị trong nghề Công nghệ ô tô;

+ **BS kiến thức khối môn kỹ năng 305h**

- Kỹ năng:

- + Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong nghề công nghệ ô tô;
- + Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống cơ bản trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động;
- + Làm được các công việc cơ bản của người thợ nguội và thợ điện phục vụ cho quá trình sửa chữa ô tô;

+ **BS kỹ năng khối môn kỹ năng 305h**

1.2.2. Chính trị, đạo đức, thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:
 - + Có nhận thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ chí Minh.
 - + Có lập trường quan điểm của giai cấp công nhân, biết thừa kế và phát huy truyền thống tốt đẹp và bản sắc văn hóa dân tộc.
 - + Khiêm tốn giản dị, lối sống lành mạnh. Cần thận và trách nhiệm trong công việc.
 - + Tôn trọng pháp luật, thực hiện tốt nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân.
- Thể chất, quốc phòng:
 - + Có đủ sức khỏe để lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp.
 - + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về công tác quân sự và tham gia quốc phòng.

1.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, người học được cấp bằng trung cấp công nghệ ô tô và có thể trở thành kỹ thuật viên khai thác, bảo trì và sửa chữa ô tô – máy kéo, có thể đảm nhận các công việc kỹ thuật tại các cơ sở lắp ráp, bảo trì và sửa chữa ô tô, các cơ sở sản xuất và kinh doanh về ô tô. Cụ thể:

- Các Nhà máy sản xuất (lắp ráp) ô tô, động cơ, máy nông nghiệp, máy phát điện, xe máy.
- Nhân viên bán hàng, nhân viên tư vấn tại các showroom ô tô, máy nổ, máy phát điện, nông ngư cơ, ...
- Kỹ thuật viên trung tâm đăng kiểm xe cơ giới; trung tâm giám định ô tô.
- thợ sửa chữa tại các Garage ô tô, phân xưởng ô tô trong các doanh nghiệp có kinh doanh vận tải hàng hóa hoặc hành khách, cty xây dựng giao thông
- Có khả năng tự tạo việc làm.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 27
- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 64 Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung, đại cương: 515 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1170 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 205 giờ ; Thực hành, Thực tập, Thí nghiệm: 1481 giờ

3. Nội dung chương trình

3.1. Các môn học chung, môn học/ mô đun đào tạo nghề

| Mã MH, MĐ | Tên môn học, mô đun | Thời gian đào tạo (giờ) | Mã MH, MĐ | Tên môn học, mô đun | Thời gian đào tạo (giờ) | Mã MH, MĐ |
|-----------|---------------------|-------------------------|----------------|---------------------|-------------------------|-----------|
| | | Số tín chỉ | Tổng số (tiết) | Trong đó | | |
| | | | | Lý | Thực | Kiểm |

| | | | | thuyết | hành | tra |
|-------------|--|-----------|------------|------------|------------|-----------|
| I | Các môn học chung | 22 | 515 | 39 | 159 | 12 |
| I.1 | Môn học bắt buộc | 10 | 210 | 39 | 159 | 12 |
| MC.21.1.1 | Pháp luật 1 | 1 | 15 | 9 | 5 | 1 |
| MC.21.2.1 | Chính trị 1 | 2 | 30 | 15 | 13 | 2 |
| MC.21.3 | Tin học | 3 | 75 | 15 | 57 | 3 |
| MC.21.4.1 | Anh văn 1 | 2 | 45 | 0 | 42 | 3 |
| MC.21.4.2 | Anh văn 2 | 2 | 45 | 0 | 42 | 3 |
| I.2 | Môn học đào tạo kỹ năng | 12 | 305 | | | |
| TC.21.00.05 | Tư duy sáng tạo | 1 | 30 | | | |
| TC.21.00.06 | Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp | 2 | 30 | | | |
| 21.00.07 | Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên | 2 | 30 | | | |
| 21.00.08 | Công dân toàn cầu | 2 | 60 | | | |
| 21.00.09 | Kỹ năng mềm | 2 | 45 | | | |
| 21.00.10 | Kinh tế số | 1 | 30 | | | |
| 21.00.11 | Trải nghiệm phát triển bản thân | 2 | 80 | | | |
| II | Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc | 31 | 990 | 103 | 849 | 53 |
| II.1 | Các môn lý thuyết nghề | 5 | 105 | 45 | 53 | 7 |
| 19.00.6.01 | Đọc bản vẽ | 3 | 60 | 30 | 26 | 4 |
| 19.00.6.03 | Kỹ thuật chung về ô tô | 2 | 45 | 15 | 27 | 3 |
| II.2 | Các môn học, mô đun thực hành/ tích hợp nghề | 18 | 525 | 58 | 436 | 46 |
| 19.00.6.04 | Gia công chi tiết bằng dụng cụ cầm tay | 2 | 45 | 5 | 36 | 4 |
| 19.00.6.08 | Tháo lắp động cơ | 3 | 90 | 10 | 72 | 8 |
| 19.00.6.10 | Thực tập Động cơ xăng | 3 | 90 | 10 | 72 | 8 |
| 19.00.6.11 | Sửa chữa và bảo dưỡng trang bị điện ô | 4 | 120 | 10 | 100 | 10 |

| | | | | | | |
|------------------|--|-----------|-------------|------------|-------------|-----------|
| | tô | | | | | |
| 19.00.6.12 | Sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống truyền động | 3 | 90 | 10 | 72 | 8 |
| 19.00.6.13 | Sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống Phan, Lái | 3 | 90 | 10 | 72 | 8 |
| <i>II.3</i> | <i>Thực tập tại doanh nghiệp</i> | 8 | 360 | 0 | 360 | |
| 19.00.6.15 | Thực tập tại doanh nghiệp | 8 | 360 | 0 | 360 | |
| III. | Các môn học, mô đun nghề tự chọn | 6 | 180 | 28 | 138 | 14 |
| 19.00.6.17 | Hàn điện | 2 | 60 | 8 | 48 | 4 |
| 19.00.6.06 | Thực tập Điện | 1 | 30 | 10 | 18 | 2 |
| 19.00.6.09 | Thực tập Động cơ diesel | 3 | 90 | 10 | 72 | 8 |
| Tổng cộng | | 59 | 1685 | 170 | 1146 | 79 |

* Học ngoại khóa tại Không gian Anh ngữ (không bố trí lịch học chính khóa)

3.2. Môn học điều kiện, ngoại khóa

| Mã môn học, mô đun | Tên môn học, mô đun | Thời gian đào tạo (giờ) | | | | |
|--------------------|---------------------|-------------------------|-----------|-----------|-----------|--------------|
| | | Số tín chỉ | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành | Thi/Kiểm tra |
| | Giáo dục thể chất 1 | 1 | 30 | 5 | 23 | 2 |
| | Giáo dục quốc phòng | 2 | 45 | 21 | 21 | 3 |
| | CỘNG | 3 | 75 | 26 | 44 | 5 |

4. Kế hoạch giảng dạy (không tính học phần ngoại khóa)

| Học kỳ | Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Học phần học trước |
|-----------------|--------------------------|-------------------|-------------|--------------------|
| Học kỳ 1 | | | 15 | |
| | <i>Học phần bắt buộc</i> | | <i>(15)</i> | |
| | MC.21.4.1 | Anh văn 1 | 2 | |
| | 21.00.08 | Công dân toàn cầu | 2 | |

| | | | | |
|-----------------|--------------------------|--|-------------|--|
| | 19.00.6.01 | Đọc bản vẽ | 3 | |
| | TC.21.00.05 | Tư duy sáng tạo | 1 | |
| | 19.00.6.03 | Kỹ thuật chung về ô tô | 2 | |
| | 19.00.6.04 | Gia công chi tiết bằng dụng cụ cầm tay | 2 | |
| | 19.00.6.08 | Tháo lắp động cơ | 3 | |
| | Học phần tự chọn | | | |
| | | | | |
| Học kỳ 2 | | | 14 | |
| | Học phần bắt buộc | | (13) | |
| | MC.21.4.2 | Anh văn 2 | 2 | |
| | 19.00.6.10 | Thực tập Động cơ xăng | 3 | |
| | 19.00.6.11 | Sửa chữa và bảo dưỡng trang bị điện ô tô | 4 | |
| | 21.00.07 | Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên | 2 | |
| | 21.00.09 | Kỹ năng mềm | 2 | |
| | Học phần tự chọn | | (1) | |
| | 19.00.6.06 | Thực tập Điện | 1 | |
| | | | | |
| Học kỳ 3 | | | 15 | |
| | Học phần bắt buộc | | (13) | |
| | MC.21.1.1 | Pháp luật 1 | 1 | |
| | MC.21.3 | Tin học | 3 | |
| | 21.00.11 | Trải nghiệm phát triển bản thân | 2 | |
| | 19.00.6.12 | Sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống truyền động | 3 | |
| | 19.00.6.13 | Sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống Phanh, Lái | 3 | |
| | Học phần tự chọn | | (4) | |
| | 19.00.6.17 | Hàn điện | 2 | |
| | | | | |
| Học kỳ 4 | | | 15 | |
| | Học phần bắt buộc | | (12) | |
| | 19.00.6.15 | Thực tập tại doanh nghiệp | 8 | |
| | TC.21.00.06 | Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp | 2 | |
| | 21.00.10 | Kinh tế số | 1 | |
| | MC.21.2.1 | Chính trị 1 | 2 | |
| | Học phần tự chọn | | | |
| | 19.00.6.09 | Thực tập Động cơ diesel | 3 | |

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

5.1. Các môn học chung, kỹ năng

- Các môn học bắt buộc: Người học phải hoàn thành trong chương trình đào tạo. Các môn học này cố định

- Các môn kỹ năng: Các môn điều kiện được bố trí phù hợp trong chương trình do khoa đề xuất theo nguyên tắc:

+ Năm thứ nhất: Tư duy sáng tạo; Công dân toàn cầu; Kỹ năng mềm, Bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên.

+ Năm thứ hai: Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; Kinh tế số; Trải nghiệm phát triển bản thân.

+ Các môn học: Có thể được bố trí học ghép theo khoa, theo nhóm ngành tùy theo điều kiện cụ thể.

5.2. Các môn học, mô đun đào tạo nghề:

- Các môn học, mô đun bắt buộc phải được bố trí học theo từng kỳ phù hợp.

- Các môn học, mô đun tự chọn do Tổ bộ môn đề xuất nếu có sự thay đổi so với các môn học, mô đun đã ghi trong chương trình đào tạo.

- Trong năm học thứ 2, học sinh có 1 học kỳ thực tập tại doanh nghiệp từ 3 – 4 tháng, có thể kéo dài hơn tùy theo tình hình thực tế và yêu cầu rèn luyện kỹ năng nghề cho người học.

5.3. Môn học điều kiện

Là các môn học: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng, Giáo dục đạo đức và phát triển nghề nghiệp.

Là các môn học bắt buộc được bố trí giảng dạy cho người học trong chương trình nhưng chỉ làm điều kiện để xét tốt nghiệp, không tính vào điểm trung bình chung học tập theo học kỳ, năm học và khóa học.

5.4. Xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho học sinh khi mới nhập trường;

- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện sinh viên;

- Tham gia các hoạt động Đoàn – Hội;

- Tham gia các Câu lạc bộ;

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các đơn vị sản xuất;

- Triển khai các chuyên đề mới.

5.5. Các môn học thực tập tại doanh nghiệp:

| TT | Tên môn học | Yêu cầu nội dung thực tập tại doanh nghiệp | Thời lượng (tuần) |
|----|------------------------------|--|-------------------|
| 01 | <i>Thực tập doanh nghiệp</i> | | 10 |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

5.6. Hướng dẫn kiểm tra kết thúc môn học, mô-đun

Đào tạo theo phương thức tín chỉ.

Thực hiện kiểm tra thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học theo quy chế đào tạo hiện hành.

Điểm môn học bao gồm: điểm trung bình các bài kiểm tra có trọng số 0.4 và điểm thi có trọng số 0.6.

- Điểm môn học, mô-đun đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 4,0 trở lên

- Công thức tính điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học và điểm trung bình chung tích lũy:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

+ A: là điểm trung bình chung học kỳ/năm học/khóa học hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

+ i: là số thứ tự môn học, mô-đun;

+ a_i: là điểm của môn học, mô-đun thứ i;

+ n_i: là số tín chỉ của môn học, mô-đun thứ i;

+ n: là tổng số môn học, mô-đun trong học kỳ/năm học/khóa học hoặc số môn học, mô-đun đã tích lũy.

5.7. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Người học được đào tạo theo phương thức tín chỉ không dự thi tốt nghiệp mà chỉ được xét tốt nghiệp nếu thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ các môn học theo chương trình đào tạo

- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên (hoặc thang điểm 10 từ 5 trở lên).

- Có kết quả đạt yêu cầu đối với các môn học điều kiện: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh.

- Có chứng chỉ kỹ năng mềm (hoặc hoàn thành mức đạt môn học Giáo dục đạo đức và phát triển nghề nghiệp).

- Các tiêu chí về ngoại ngữ, tin học theo chuẩn đầy ra.

5.8. Các chú ý khác

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục:
SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN
TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề:.....

Mã ngành, nghề:.....



